

# **NHỮNG ĐIỀU KIỆN VÀ RÀNG BUỘC ĐỐI VỚI CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA TRUNG HỌC**

• **GS. TS. TRẦN BÁ HOÀNH**

**T**ừ sau Cách mạng tháng 8/1945, nền giáo dục cách mạng Việt Nam đã trải qua 3 lần cải cách:

Lần thứ nhất (1950) chuyển hệ thống giáo dục phổ thông 13 năm (6+4+3) dưới thời thực dân Pháp sang hệ thống 9 năm (4+3+2) ở vùng kháng chiến.

Lần thứ hai (1956), sau kháng chiến chống Pháp thắng lợi, nâng hệ thống 9 năm lên 10 năm (4+3+3).

Lần thứ ba (1981), sau giải phóng Miền Nam, thực hiện chế độ 12 năm (5+4+3) thống nhất trong cả nước.

Trong quá trình triển khai, cuộc cải cách giáo dục lần thứ ba đã được điều chỉnh và chuyển sang thời kì đổi mới từ năm 1987. Đại hội lần thứ VI của Đảng (12/1986) đã đề ra đường lối đổi mới đất nước, trong đó có đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Đường lối đổi mới đã tiếp tục khẳng định và phát triển qua các Đại hội Đảng lần thứ VII và lần thứ VIII.

Công cuộc đổi mới GD đặt vấn đề "hoàn chỉnh cơ cấu mới của hệ thống GD quốc dân..., thiết kế lại chương trình, kế hoạch, nội dung, phương pháp giáo dục và đào tạo cụ thể của từng bậc học, cấp học, ngành học". Về thực chất, nó mang tầm của cuộc cải cách GD lần thứ 4, nhưng tên gọi chính thức trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khoá VII là "tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo" phù hợp với bối cảnh chung là thực hiện đường lối đổi mới đất nước và phù hợp với xu thế chung trên thế giới là thường xuyên phát triển chương trình GD thay cho việc cải cách giáo dục theo chu kì.

**I. Điều kiện đổi mới giáo dục:** Công cuộc đổi mới giáo dục (ĐMGD) lần này được tiến hành trong những điều kiện chưa hề có ở 3 lần cải cách trước đây, đó là:

**1. Đổi mới quan niệm về GD.** Lần đầu tiên

trong lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 4 khoá VII (1/1993) đã ra một nghị quyết riêng về GD: "Tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo", với 4 quan điểm chỉ đạo, trong đó quan điểm thứ nhất ghi rõ "Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đã được Đại hội VII xem là quốc sách hàng đầu. Đó là một động lực thúc đẩy và là một điều kiện cơ bản bảo đảm việc thực hiện những mục tiêu kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ đất nước. Phải coi đầu tư cho GD là một trong những hướng chính của đầu tư phát triển, tạo điều kiện cho giáo dục đi trước và phục vụ đắc lực sự phát triển kinh tế - xã hội. Huy động toàn xã hội làm GD, động viên các tầng lớp nhân dân góp sức xây dựng nền GD quốc dân dưới sự quản lí của nhà nước".

Như vậy, muốn ĐMGD trước hết phải khắc phục tư tưởng coi GD chỉ nằm trong phạm vi cách mạng tư tưởng - văn hoá, từ bỏ quan niệm đầu tư cho GD đơn thuần là một thứ phúc lợi xã hội, thay đổi quan niệm GD là sự nghiệp riêng của ngành GD. Sự đổi mới tư duy về GD như trên được quán triệt trong toàn Đảng, toàn dân đã tạo điều kiện thuận lợi hết sức cơ bản cho ĐMGD.

**2. Tăng mạnh nguồn lực tài chính cho GD.** Nghị quyết về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục - đào tạo đã nêu: "Tăng dần tỉ trọng chi trong ngân sách cho giáo dục - đào tạo. Huy động các nguồn đầu tư trong nhân dân, viện trợ của các tổ chức quốc tế, kể cả vay vốn của nước ngoài để phát triển GD, chấn chỉnh việc thu học phí...".

Trên thực tế, tỉ lệ ngân sách dành cho GD đã không ngừng tăng lên, năm sau cao hơn năm trước. Năm 1990 là 8,90%, năm 1995 là 10,45%, năm 2000 là 15,00%. Tuy vậy so với nhiều nước trong khu vực, ngân sách GD của nước ta vẫn vào loại thấp nhất; mức chi cho một học sinh



(HS) trong một năm học cũng vậy. Từ nhiều năm nay chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) đã có nhiều đề án dành cho giáo dục Việt Nam. Riêng về ĐMGD trung học cơ sở (THCS), Chủ tịch nước đã phê chuẩn Hiệp định tín dụng cho dự án phát triển GD THCS do Ngân hàng phát triển Châu Á cho vay 50 triệu USD. Với nguồn vốn vay này, chúng ta có thể thực hiện đổi mới tương đối đồng bộ chứ không tập trung chủ yếu vào chương trình và sách giáo khoa như các lần cải cách trước đây.

## II. Ràng buộc:

Theo Nghị quyết Trung ương 4 khoá VII, "giáo dục phải vừa gắn chắc với yêu cầu phát triển đất nước, vừa phải phù hợp với xu thế phát triển của thời đại". Việc đổi mới giáo dục đào tạo phải quán triệt quan điểm chỉ đạo nói trên nhưng đồng thời bị một số quan hệ ràng buộc, đó là:

**1. Xu hướng chung** của nhiều nước là tích hợp các môn học ở THCS và phân hoá dạy học bằng môn học tự chọn ở trung học phổ thông (THPT), nhưng nước ta chưa đủ điều kiện thực hiện do những ràng buộc về giáo viên (GV), cơ sở trường lớp và phương tiện dạy học. Ở THCS, chúng ta đã buộc phải giới hạn tích hợp ở trong nội bộ từng môn học, ví dụ: Tích hợp Tiếng Việt, Văn học, Tập làm văn trong môn Ngữ - Văn; Tích hợp nhiều mặt GD trong một môn học như tích hợp GD dân số, giáo dục môi trường, phòng chống HIV lạm dụng ma tuý trong môn Sinh học; Tăng cường những mối liên hệ liên môn như giữa Vật lí, Hoá học, Sinh học và Công nghệ học.

Chúng ta chưa thể tích hợp Lí, Hoá, Sinh thành môn học Khoa học tự nhiên, tích hợp Sử, Địa, Giáo dục công dân thành môn học Khoa học Xã hội - Nhân văn, mặc dù kinh nghiệm các nước cho thấy tích hợp các môn học sẽ làm giảm số đầu môn học, số đầu sách giáo khoa, đơn giản hoá việc phân công lao động GV, tổ chức bồi dưỡng GV, giảm nhẹ việc kiểm tra, thi, quan trọng nhất là tạo thuận lợi cho việc ứng dụng kiến thức học được vào thực tiễn.

Ở THPT chúng ta đã buộc phải phân hoá dạy học bằng phân ban sớm và rộng, kết hợp với chuyên để tự chọn, mặc dù phân hoá dạy học bằng các môn học tự chọn sẽ đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng, năng khiếu của từng HS ở mức cao hơn.

**2. Sự phát triển nhanh chóng của thực tiễn xã hội**, đặc biệt của khoa học - kĩ thuật công nghệ đòi hỏi tăng thời lượng học tập trong trường phổ thông. Thời lượng học tập không phải là yếu tố quyết định nhưng là một điều kiện rất quan trọng để thực hiện chất lượng GD. Việt Nam ta có hệ thống trung học 7 năm (4 năm THCS + 3 năm THPT), thuộc nhóm 71 nước có hệ thống trung học 7 năm trong số 115 nước được UNESCO thống kê trong 5 châu lục. Tuy nhiên, thời lượng học tập trong một tuần, trong một năm của HS THCS và THPT nước ta đang ở mức thấp nhất so với các nước. Trong chương trình cải cách GD năm 1981, số tiết học trong một năm học của HS THPT ở nước ta là 990, trong khi đó Hàn Quốc: 1650, Nhật Bản: 1750, Trung Quốc: 1764, Ấn Độ: 1875, Lào: 1990, Thái Lan: 2000. Tính trung bình trên 10 nước trong khu vực thì thời lượng học tập trong 1 năm học là 165,8%, so với nước ta 100%. ở THCS và tiểu học cũng có tình hình tương tự. Giáo dục Việt Nam muốn đuổi kịp trình độ chung của GD khu vực và thế giới thì cần phấn đấu sớm nâng thời lượng học tập ở trường tiểu học và trung học lên mức tương đương với các nước, trước hết nhanh chóng mở rộng diện các trường học 2 buổi/ ngày để "đến năm 2010 phần lớn các trường phổ thông có điều kiện cho học sinh học tập và hoạt động cả ngày tại trường" như đã khẳng định trong văn kiện Đại hội IX của Đảng.

Bị ràng buộc bởi tình trạng thiếu GV, thiếu phòng học, chương trình THCS và THPT mới ban hành năm 2002 chưa thể tăng thêm thời lượng học trong tuần, trong năm học. Trong khi đó, quy mô GD trung học sẽ tiếp tục tăng trong những năm tới để thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển GD là: Tăng tỉ lệ HS THCS trong độ tuổi từ 74% năm 2000 lên 80% năm 2005 và 90% năm 2010; Tăng tỉ lệ HS tốt nghiệp THCS vào THPT là 35% năm 2000 lên 45% vào năm 2005 và 50% vào năm 2010; Số HS trung học sẽ tăng 7%/ năm.

## III. Định hướng đổi mới chương trình

**1. Các định hướng đổi mới chương trình (CT) GD phổ thông** đã được nêu ra từ Nghị quyết Trung ương 4 khoá VII (1/1993), Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII (12/ 1996), được thể chế hoá trong Luật Giáo dục (12/1998).

Mục tiêu của đổi mới CTGD phổ thông -

theo Nghị quyết số 40 của Quốc hội (12/ 2000) là nhằm "nâng cao chất lượng GD toàn diện thế hệ trẻ, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phù hợp với thực tiễn và truyền thống Việt Nam, tiếp cận trình độ GD phổ thông ở các nước trong khu vực và trên thế giới"... "Việc xây dựng CT, biên soạn sách giáo khoa (SGK), triển khai thí điểm, tổng kết rút kinh nghiệm phải chu đáo, khẩn trương để đạt được mục tiêu nêu trên, lần lượt triển khai đại trà việc áp dụng CT, SGK mới, bắt đầu từ lớp 1 và lớp 6 từ năm học 2002 - 2003, bắt đầu ở lớp 10 từ năm học 2004 - 2005. Đến năm học 2006 - 2007 tất cả các lớp cuối cấp đều thực hiện CT và SGK mới".

## **2. So với các lần CCGD trước, việc đổi mới CTGD phổ thông lần này có mấy ưu điểm nổi bật sau:**

**2.1.** Việc thiết kế CT đã dựa trên một nhận thức đầy đủ hơn, cập nhập 2 quan niệm thế giới về CTGD. Trước đây thường quan niệm CT (program) là văn bản xác định nội dung học vấn, dựa vào đó GV biết phải truyền cho HS những kiến thức gì. Ngày nay người ta dùng thuật ngữ Curriculum, tạm dịch là CT đầy đủ. Curriculum (C) là văn bản chứa thông tin cần thiết về mục tiêu, nội dung, phương pháp GD, đồng thời cả về phương tiện, tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả GD. C là khái niệm hướng về quá trình diễn ra ở cơ sở GD chứ không phải là bản thiết kế nội dung. Nó quan tâm không chỉ là hoạt động dạy - truyền đạt, mà đặc biệt quan tâm hoạt động học - khám phá, chiếm lĩnh tri thức, không chỉ quan tâm nội dung GD, mà đặc biệt quan tâm kết quả GD. Cách tiếp cận hệ thống như vậy bảo đảm tính phù hợp, khả thi, toàn diện của CT. Đây là lần đầu tiên trong GD nước ta, việc biên soạn CTGD phổ thông đã xuất phát từ / và đã thể hiện một quan niệm như vậy về CT, cho thấy việc đổi mới GD lần này phải đồng bộ, không chỉ tập trung vào nội dung GD.

**2.2.** Việc xây dựng CT phổ thông đã thu hút sự quan tâm của một lực lượng đông đảo các nhà khoa học, các nhà sư phạm, các cán bộ quản lý chỉ đạo GD, các GV giỏi vào khâu soạn thảo, thẩm định, thí điểm. Bản dự thảo CT đã được đăng tải công khai trên báo chí, lấy ý kiến của đông đảo GV, trung cầu ý kiến rộng rãi của giới khoa học, các tầng lớp nhân dân. Dự thảo

CT từng môn học đã được thẩm định trước Hội đồng quốc gia có đủ trình độ và uy tín trước khi trình Bộ trưởng kí và ban hành. Việc thẩm định CT và SGK đã được tiến hành 2 đợt, trước khi đưa vào thí điểm và trước khi triển khai đại trà. Lần đầu tiên, CT phổ thông được xây dựng theo một quy trình chặt chẽ, theo quy chế cụ thể và thu hút một lực lượng tham gia đông đảo như vậy. Đây không phải việc làm của một nhóm người, được tập hợp tùy tiện, mỗi nhóm soạn thảo một khúc rồi chắp lại như có người đã phát biểu trên báo chí vì thiếu thông tin hoặc chưa tìm hiểu đầy đủ.

**3. Nhìn chung, CT đã được đổi mới theo hướng chống quá tải, giảm tính hàm lâm, tăng tính thực tiễn thực hành vận dụng,** giảm số tiết học trên lớp, tăng thời gian tự học, mở rộng hoạt động ngoại khoá, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoà nhập với xã hội, phát triển nhân cách, phát triển ở HS năng lực tư duy và năng lực hành động, bồi dưỡng năng lực tự học, coi trọng cả 3 mặt nội dung khoa học tự nhiên, xã hội - nhân văn, kĩ thuật - công nghệ, làm tốt hơn GD hướng nghiệp, chuẩn bị nghề để HS có ý thức trở thành người lao động biết tự tạo việc làm, trước hết tại địa phương của mình.

**3.1.** Ở THCS, môn toán giảm từ 19 tiết xuống 16 tiết, Ngữ - Văn giảm từ 19 xuống 17 tiết; Tăng 1 tiết: Hoá, Nghệ thuật; Giảm 1 tiết: Lí. Sinh; Giữ nguyên: Sử, Địa, Công nghệ, Thể dục; Thêm môn mới: Tự chọn 4 tiết ở lớp 8 và 9. Việc giảm tiết ở 2 môn công cụ, điều chỉnh số tiết trong các môn học khác tạo ra sự cân đối hợp lí vì mục tiêu phát triển toàn diện của trẻ.

**3.2.** Ở THPT, CT mới thí điểm được chia thành 3 ban, đó là: Ban Khoa học tự nhiên (KHTN), Ban khoa học xã hội - nhân văn (KHXH-NV) và Ban cơ bản dựa trên một chương trình chuẩn. Trong các môn phân hóa thì Ban KHTN có số tiết nhiều hơn Ban KHXH-NV ở các môn Toán, Lí, Hoá, Sinh. Ban KHXH-NV có số tiết nhiều hơn Ban KHTN trong các môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí và Ngoại ngữ. Tuy nhiên, sự chênh lệch giữa 2 ban ở 2 nhóm môn này chỉ có từ 6 đến 7 tiết, thực hiện chủ trương giảm sự phân hoá quá sâu giữa 2 ban như đã diễn ra trong chương trình thí điểm Trung học chuyên ban (1993 - 2000) để bảo đảm nền học vấn phổ thông. Ngoài sự chênh lệch này còn có các giờ

học tự chọn (8) ở cả 2 ban KHXH-NV, KHTN đáp ứng nhu cầu và xu hướng phát triển của HS. Các hoạt động GD hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông cùng góp phần thực hiện GD phân hoá theo nhu cầu, nguyện vọng và hứng thú của HS.

**IV. Định hướng đổi mới sách giáo khoa.**

SGK góp phần đổi mới phương pháp dạy học là một trong những yêu cầu hàng đầu của bộ SGK mới. Để HS chuyển từ học tập thụ động sang học tập chủ động, để GV phát triển các phương pháp tích cực, SGK cần chuyển cách trình bày truyền thống kiểu thông báo - giải thích - minh hoạ sang tổ chức các hoạt động học tập tìm tòi khám phá, qua đó HS tự lực chiếm lĩnh tri thức mới của nội dung bài học.

SGK sẽ không còn là một hệ thống các bài khoá trình bày các tri thức đã được xác định sẵn, rõ ràng, mạch lạc mà GV có nhiệm vụ truyền đạt tới HS với ít nhiều sự gia công sư phạm để làm cho bài học sát với trình độ HS, dễ hiểu dễ nhớ. Trong SGK mới, phần chủ yếu của bài học là các hoạt động đề ra cho HS, nêu nhiệm vụ nhận thức hoặc hành động nhưng chưa có lời giải. GV phải tổ chức cho HS hoạt động (theo cá nhân, nhóm nhỏ hay cả lớp) để các em tìm tòi, phát hiện, khám phá những điều phải học, theo mục tiêu từng bài. Bằng các hoạt động khám phá, HS trưởng thành cả về tri thức, kĩ năng, thái độ, cả về phương pháp khoa học, phương pháp học tập. Theo quan niệm này thì từ Text book trong tiếng Anh không còn phù hợp vì SGK không còn là cuốn sách gồm những bài chính văn (text) mẫu mực để HS thuộc mà là bản thiết các hoạt động học tập, khám phá.

Khác với quá trình nhận thức trong nghiên cứu khoa học, quá trình nhận thức trong học tập không nhằm phát hiện những điều loài người chưa biết mà nhằm phát hiện lại những tri thức loài người đã tích lũy được. Trong học tập, HS cũng phải khám phá ra những hiểu biết mới đối với bản thân thì HS mới thật thông hiểu, ghi nhớ và vận dụng được. Đó là chưa kể khi lên đến trình độ nhất định thì sự học tập tích cực sẽ mang tính nghiên cứu khoa học và người học cũng làm ra tri thức mới cho khoa học.

Khác với khám phá trong nghiên cứu khoa học, hoạt động khám phá trong học tập không phải là một quá trình mò mẫm tự phát, mà là quá trình hoạt động có sự hướng dẫn của GV, trong đó GV khéo léo đặt HS vào địa vị người phát hiện lại những tri thức trong di sản văn hoá của loài người, của dân tộc.

Thực ra, nếu đội ngũ GV có trình độ cao về khoa học chuyên môn và được bồi dưỡng tốt về nghiệp vụ thì không nhất thiết phải chuyển đổi cách viết SGK. Trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta thì việc đổi mới biên soạn SGK là một biện pháp thúc đẩy GV và HS đổi mới cách dạy và cách học theo hướng phát huy tích cực, chủ động, sáng tạo của người học chống lại thói quen học tập thụ động.

Bộ SGK mới ở THCS và THPT đã được chỉ đạo đổi mới biên soạn theo hướng nói trên. Tuy các tác giả có nhiều cố gắng, nhưng mức độ thành công chưa đồng đều giữa các cuốn sách trong một bộ sách, giữa các phần khác nhau của một cuốn sách do một tác giả thể hiện. Qua thực tế sử dụng, với sự góp ý đồng đảo của GV và HS những nhược điểm của SGK mới sẽ được khắc phục và sửa chữa, nhưng trước hết chủ trương đổi mới cách biên soạn SGK cần được cán bộ quản lí GD, GV, HS, phụ huynh và cả xã hội nhiệt tình ủng hộ, tránh những việc làm tiêu cực phản tác dụng, vô hiệu hoá chủ trương đổi mới, chẳng hạn SGK thí điểm vừa mới in ra thì trên thị trường đã xuất hiện loại sách giải sẵn các bài toán nhận thức, trả lời tất cả các câu hỏi mà SGK nêu ra trong các hoạt động tìm tòi của HS.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Văn kiện Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VII.
2. Văn kiện Hội nghị lần thứ 2 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII.
3. Phạm Minh Hạc. *Giáo dục Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỉ XXI*. NXB Chính trị quốc gia 1999.
4. Trần Bá Hoành. *Thời lượng học tập, chương trình, sách giáo khoa phổ thông* - Tạp chí Thông tin khoa học giáo dục. Số 111, 112 (2004)
5. Trần Bá Hoành. *Đổi mới cách viết sách giáo khoa bậc trung học*. Tạp chí Thông tin khoa học giáo dục. Số 89 (6/2004).

**SUMMARY**

*The article presents two such conditions for undertaking the renewal of the cause of education and training as renewing conceptions of education, drastically increasing financial resources for education while highlighting two binding relations between teaching staff, school facilities and teaching aids. These are also great hindrances to the integration of subjects in lower secondary schools and to an increase in time allotment in schools. Besides, the article also deals with something new in renewing the curriculum, teaching plan and textbooks used for the upper secondary education level.*